

Số: 08/2020/QĐST- HC

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nga và bà Đỗ Thị Kim Thủy

Căn cứ vào điểm h khoản 1 Điều 143; điểm d khoản 1 Điều 123; Điều 144 và Điều 165 Luật Tố tụng Hành chính;

Nhận thấy: Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2019 và quá trình tố tụng người khởi kiện bà Trần Thị N đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSDĐ) số 00143/QSDĐ/789/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân (viết tắt là: UBND) huyện T cấp ngày 07/3/2011 cho ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 13, diện tích 648m² (trong đó 300m² đất ở và 348m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Lý do bà N đề nghị hủy để sau đó mẹ và anh chị em bà N sẽ tự phân chia quyền sử dụng đất theo Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2019 về việc mẹ bà được một nửa, còn một nửa sẽ chia đều cho bà N, bà D và ông U.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 25/10/2001, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số hiệu phát hành T 743057, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1546 cho hộ ông Trần Văn A được quyền sử dụng diện tích đất 4.612m², gồm: 11 thửa đất nông nghiệp có diện tích 3.964m² và thửa đất thổ cư số 624, tờ bản đồ số 13, diện tích 648m² (trong đó 300m² đất ở và 348m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 19/02/2010, cụ Trần Văn A chết không để lại di chúc.

Tháng 02 năm 2011, ông Trần Xuân U nộp hồ sơ đề nghị cấp lại GCNQSDĐ tại UBND xã H, hồ sơ đề nghị gồm có: Đơn đề nghị cấp lại GCNQSDĐ của ông Trần Xuân U, bà Trần Thị O đề ngày 16/02/2011; Biên bản họp gia đình ngày 17/01/2011 với hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn A gồm: Cụ Lê Thị G, bà Trần Thị N, bà Trần Thị D, ông Trần Xuân U, với nội dung thống nhất định đoạt toàn bộ tài sản của cụ A để lại thuộc quyền thừa kế duy nhất là ông Trần Xuân U. Biên bản có xác nhận của Trưởng thôn V và của UBND xã H; Trích đo thửa đất; Danh sách các thửa đất nông nghiệp đề nghị cấp chung một GCNQSDĐ; Sổ hộ khẩu của ông Trần Văn A.

Ngày 21/02/2011, cán bộ địa chính và UBND xã H xác nhận nội dung đủ điều kiện cấp lại GCNQSDĐ vào đơn đề nghị của ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O.

Ngày 07/3/2011, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Trần Xuân U và vợ là bà Trần Thị O, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH 00143/QSDĐ/789/QĐ-UBND đối với thửa đất số 624, tờ bản đồ số 13, diện tích 648m² (trong đó 300m² đất ở và 348m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 25/7/2011, Ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 250711/HĐTC-BĐS/TCB-VP với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Techcombank Vĩnh Phúc (viết tắt là: Ngân hàng) với nội dung: Ông U, bà O dùng quyền sử dụng thửa đất **số** 624, tờ bản đồ số 13, diện tích 648m² (trong đó 300m² đất ở và 348m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O cùng tài sản trên đất để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ tại Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa ông U, bà O với Ngân hàng.

Ngày 27/7/2011 ông Trần Xuân U, bà Trần Thị O và Ngân hàng ký hợp đồng hạn cấp mức tín dụng số 231/HĐHMTD-HKD/TCB-VP với giá trị hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 đồng. Bảo đảm cho khoản nợ là tài sản được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 250711/HĐTC-BĐS/TCB-VP ngày 25/07/2011.

Sau khi nhận tiền vay, ông U, bà O không thanh toán được nợ đúng hạn, Ngân hàng khởi kiện vụ việc đến Tòa án nhân dân huyện T. Ngày 01/3/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 01/2017/QĐST-KDTM với nội dung thỏa thuận: Tính đến ngày 17/02/2017, ông U, bà O còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 2.503.935.171đ; ông U, bà O có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thành 13 kỳ, tính đến ngày 25/3/2018 ông U và bà O phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 231 cho đến khi thanh toán xong. Nếu vi phạm bất kỳ kỳ hạn thanh toán hoặc số tiền thanh toán nào thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 250711/HĐTC-BĐS/TCB-VP ngày 25/7/2011.

Do ông U, bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 01/3/2017, Ngân hàng đã làm đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 03/10/2018, yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T cho thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 04/10/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định số 50/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo đơn yêu cầu của Ngân hàng.

Ngày 10/01/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Xuân U, bà Trần Thị O thế chấp tại Ngân hàng TMCP K.

Ngày 13/02/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ban hành Thông báo số 61/TB-THADS về kết quả thẩm định giá tài sản đối với người phải thi hành án là ông Trần Xuân U, bà Trần Thị O

Ngày 28/02/2019, Công ty cổ phần đấu giá – thẩm định giá và dịch vụ tài chính Y ra Thông báo số 01/TB-CT bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 624, tờ bản đồ 13, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00143/QSDD/789/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 07/3/2011 cho hộ ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O.

Ngày 16/4/2019 bà Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 00143/QSDD/789/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 07/3/2011 cho hộ ông U, bà O đối với thửa đất 624, tờ bản đồ 13, diện tích 648m² tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 09/9/2019, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHA về việc hoãn thi hành án đối với ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số 00143/QSDD/789/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 07/3/2011 cho hộ ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O đối với thửa đất 624, tờ bản đồ 13, diện tích 648m², với lý do để sau đó mẹ và anh chị em bà N sẽ tự phân chia quyền sử dụng đất theo Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2019 về việc mẹ bà được một nửa, còn một nửa sẽ chia đều cho bà N, bà D và ông U, bởi lẽ ông U nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ đứng tên ông U, bà O là chưa có ý kiến của bà N, biên bản họp gia đình ông U nộp theo hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ có chữ ký của bà N, bà D và cụ G là không đúng. Tuy nhiên, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã có hiệu lực pháp luật xác định diện tích 648m² đất (gồm 300m² đất ở và 348m² đất vườn) thuộc thửa số 624, tờ bản đồ 13 tại thôn V, xã H, huyện T cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O được công nhận là của hộ ông Trần Xuân U và bà Trần Thị O. Quyết định này hiện đang được cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N thuộc trường hợp đã được giải quyết bằng quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên thuộc trường hợp đình chỉ giải

quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143; điểm d khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính.

Trường hợp bà Trần Thị N thấy quyền lợi bị xâm phạm có quyền khiếu nại đối với Quyết **định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2017/QĐST-KDTM** ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T theo thủ tục giám đốc thẩm được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà N trình bày: Thừa đất được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông U, bà O có một phần quyền lợi của bà, quyền lợi đó được xác định là bà được hưởng từ di sản của cụ A để lại, và được xác định theo Biên bản họp gia đình ngày 16/4/2019 (cùng ngày bà N làm đơn khởi kiện), tuy nhiên trong vụ án này bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết hủy GCNQSDĐ do UBND huyện T cấp cho ông U, bà O. Tại phiên tòa, bà N khẳng định bà được biết ông U, bà O được cấp GCNQSDĐ vài năm trước, cụ thể năm nào bà không nhớ rõ, bà chỉ nhớ thời gian bà được biết ông U, bà O được cấp GCNQSDĐ là khi Ngân hàng vào đo đạc đất và định giá đất. Phía Ngân hàng khẳng định, Ngân hàng chỉ vào thẩm định đất và định giá đất của hộ ông U, bà O là ngày 22/6/2011 (trước khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản), ngoài ra không tiến hành thẩm định, định giá đối với tài sản lần nào khác. Vì vậy, bà Trần Thị N cho rằng việc ông U, bà O làm thủ tục và được cấp GCNQSDĐ, sau đó mang quyền sử dụng đất đi thế chấp Ngân hàng là xâm phạm đến quyền lợi được hưởng di sản của bà N từ cụ A để lại thì bà N có quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc chia di sản thừa kế được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 31/2019/TLST- HC ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “khởi kiện quyết định hành chính”, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Công E – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T (Theo văn bản ủy quyền số 2087 ngày 09/10/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng I – Phó trưởng phòng TNMT huyện T.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị G, sinh năm 1930; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1930; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông Trần Xuân U, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Trần Thị O, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Tiến F – Chức vụ: Cán bộ địa chính xã H (theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019).

+ Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: Số X, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Q – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: Số Z, phường W, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo các văn bản ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017 và số 1130/2019/UQ- TCB ngày 28/11/2019).

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính:

+ Bà Trần Thị N không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án hành chính này theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

+ Về án phí: Người khởi kiện bà Trần Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà